

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2025/HN-ST**

Ngày: 11/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 536/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993; (Xin vắng)

Địa chỉ: số 645/1 ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Đào Minh L, sinh năm 1990; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L do tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống nhưng không có hướng khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Đào Hải B, sinh ngày 25/8/2023 khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đào Minh L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Đào Hải B, sinh ngày 25/8/2023 khi ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Đào Hải B, sinh ngày 25/8/2023 khi ly hôn giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Phạm Thị T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Phạm Thị T và anh Đào Minh Lộc là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh L. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng không có hướng khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh L cũng thống nhất với trình bày của chị T. Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh L sinh sống thì địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị T.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L là có thật, anh chị đã có thời gian rất dài ly thân với nhau nhưng không hàn gắn tình cảm được. Như vậy, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng và anh, chị không có thiện chí đoàn tụ, chị T yêu cầu ly hôn và anh L cũng đồng ý ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Đào Hải B, sinh ngày 25/8/2023 khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, từ khi anh chị ly thân cháu B sống với chị T có cuộc sống ổn định, hiện nay cháu còn rất nhỏ cần sự quan tâm gần gũi nhiều hơn của mẹ và anh L cũng đồng ý để chị T nuôi con. Do đó, để bảo đảm môi trường sống ổn định và sự phát triển bình thường của con chung khi ly hôn giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh L trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh L trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

ăn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phạm Thị T và anh Đào Minh Lộc thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Có 01 con chung cháu Đào Hải B, sinh ngày 25/8/2023 khi ly hôn giao con chung cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Đào Minh Lộc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị T và anh Đào Minh Lộc trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị T và anh Đào Minh Lộc trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Phạm Thị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004965 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yên